TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HSST
Ngày: 20 - 7 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.
2. Ông Lê Việt Long.

Thư ký phiên tòa: Ông Vương Đình Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2018/TLST - HS ngày 22 ngày 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST - HS ngày 06 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 tại huyện V, thành phố H; nơi cư trú: thôn K, xã V, huyện V, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R và bà Hoàng Thị D; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/4/2018 đến nay *(hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương)*. Có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 tại huyện V, thành phố H; nơi cư trú: thôn Đ, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị M; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/4/2018 đến nay *(hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương)*. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1990

Trú tại: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Bùi Quang T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Cầu A, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Văn H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 8 giờ ngày 01/4/2018, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Jupier Gravita lắp biển số 15B1-239.79 (H mua trước đó của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ ở chợ Sắt Hải Phòng) mang theo theo 01 chiếc vam phá khóa bằng kim loại hình chữ T dài khoảng 15cm. Khi đi đến khu vực cầu T, xã V, huyện V thì gặp và rủ Nguyễn Văn T "*tôi và bạn đi chơi, gặp xe máy thì lấy*", T đồng ý. Khi đến thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Jupier Gravita màu trắng đen, biển số 34B2 -360.41 của anh Phạm Văn T dựng ở sân nhà bà Nguyễn Thị N không có người trông coi. H dừng xe cách cổng nhà bà N khoảng 200m rồi bảo T "*ông đứng đây chờ tôi vào lấy trộm xe*", T nói "*cứ vào đi*". H đi vào, dùng tay phải cắm đầu vam vào ổ khóa vặn theo chiều kim đồng hồ, vặn hai lần thì thấy đèn điện bật sáng sau đó đút vam vào túi quần, nổ xe đi về Hải Phòng còn T điều khiển xe theo sau H. Khi đi đến chân cầu Quý Cao thuộc địa phận huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng cả hai dừng xe lại, H lấy cờ lê có sẵn trong cốp xe của H tháo biển số xe vừa lấy được vứt xuống ven đường. Sau đó H đi xe đến nhà anh Bùi Quang T bán chiếc xe vừa trộm cắp được cho T với giá 2.800.000 đồng và hẹn hôm sau sẽ mang giấy tờ xe và biển số xe đến cho anh T. H chia cho T 600.000 đồng, cả hai đã chi tiêu hết số tiền trên.

Đến trưa cùng ngày, anh T gạ bán chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Văn T với giá 4.000.000 đồng và hẹn hôm sau sẽ đưa biển số xe và giấy tờ xe. Anh T đồng ý và đi xe về nhà, trên đường đi nghi ngờ chiếc xe do phạm tội mà có nên đã đến Công an huyện V, thành phố Hải Phòng giao nộp chiếc xe mô tô trên.

Chiều ngày 01/4/2018 H, T quay lại chỗ đã vứt chiếc biển số xe tìm và mang đến nhà anh T. Ngày 02/4/2018 anh T đã mang chiếc biển số trên đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng giao nộp. Ngày 02/4/2018 anh Phạm Văn T đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng trình báo về việc mất trộm xe mô tô. Ngày 02/4/2018 Cơ quan CSĐT - Công an huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng chuyển toàn bộ hồ sơ cũng vật chứng đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương để giải quyết theo thẩm quyền.

Kết luận định giá tài sản số 11 ngày 05/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Tứ Kỳ kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Jupier Gravita, màu sơn trắng đen, biển số 34B2 -360.41 trị giá 11.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT -VKS -TK ngày 20/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa: VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 173; các điều 17, 38, 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 10 tháng đến 13 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày tạm giam ngày 10/4/2018; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 11tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày tạm giam ngày 10/4/2018; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết; Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 của BLHS tịch sung quỹ nhà nước số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo H. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố và luận tội của VKSND huyện Tứ Kỳ đối với các bị cáo là đúng, bị cáo T xác định đã đứng ngoài cảnh giới để cho bị cáo H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh T vào ngày 01/4/2018 như đã nêu trên và đề nghị HĐXX xem xét xử phạt cho các bị cáo ở mức thấp nhất.

Tại đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt người bị hại trình bày đã nhận được toàn bộ tài sản do H và T chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường; về trách nhiệm hình sự: Đề nghị HĐXX xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Anh Bùi Văn T vắng mặt, có lời khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ xác định số tiền 2.800.000 đồng khi mua chiếc xe mô tô do H bán, không biết do H và T phạm tội mà có, anh T cho bị cáo số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 8 giờ ngày 01/4/2018, tại sân nhà bà Nguyễn Thị N, thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở của anh Phạm Văn T dựng xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Jupier Gravita, màu sơn trắng đen, biển số 34B2 -360.41 trị giá 11.500.000 đồng, không khóa càng, không có người trông coi, Nguyễn Văn T đứng ngoài cảnh giới để Nguyễn Văn H lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, một khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, muốn có tiền tiêu sài cá nhân, các bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô trị giá 11.500.000 đồng là trái pháp luật. Nên hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội " Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Như vậy, Quyết định truy tố của VKSND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ.

[3] *Về vị trí, vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:* Các bị cáo có sự thống nhất thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đều là người thực hành nhưng các bị cáo không có sự phân công, câu kết chặt chẽ với nhau, nên đây chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo H là người khởi xướng, trực tiếp chuẩn bị công cụ, phương tiện và là người trực tiếp lấy tài sản và tiêu thụ nên giữ vai trò chính, bị cáo T đứng ngoài cảnh giới cho bị cáo H lấy tài sản nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[4] *Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Các bị cáo có nhân thân tốt; các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới có tác dụng trừng trị, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt và đấu tranh, phòng ngừa chung; cần xử bị cáo H mức án cao hơn đối với bị cáo T là phù hợp.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Anh T đã nhận lại xe mô tô bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Đối với số tiền 2.800.000 đồng anh Bùi Quang T khi mua chiếc xe mô tô do H bán, không biết do H và T phạm tội mà có, anh T cho các bị cáo số tiền trên, nên không đặt ra giải quyết.

[8] *Về xử lý vật chứng*: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho anh T 01 mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Jupier Gravita, màu sơn trắng đen và biển số 34B2 -360.41 là đúng pháp luật.

[9] Đối với 01 chiếc vam phá khóa, 01 chiếc cà lê, sau đó H đã làm rơi mất, không xác định được vị trí; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

[10] Đối với chiếc mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Jupier Gravita và biển số 15B1-239.79 thuộc sở hữu của H, là phương tiện phạm tội sau đó H đã bán cho người khác không rõ tên, tuổi, địa chỉ được 2.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết. Nên cần tịch thu số tiền 2.000.000 đồng sung quỹ nhà nước là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[11] Đối với chiếc 01 mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Jupier Gravita không biển số, do H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tứ Kỳ; H khai nhận đã trộm cắp tại xã Tự Cường, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Ngày 30/5/2018 Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tứ Kỳ đã bàn giao cho Công an huyện Tiên Lãng để xử lý theo thẩm quyền là đúng.

[12] Trong vụ án này, anh Phạm Quang T khi mua xe nhưng không biết đó là tài sản do H và T phạm tội mà có; anh Nguyễn Văn T mua xe của anh T nhưng do nghi ngờ về nguồn gốc chiếc xe đã đến cơ quan Công an huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng trình báo và giao nộp chiếc xe mô tô trên. Nên anh Th, anh T không phải chịu trách nhiệm.

[13] *Về án phí*: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] *Về các hành vi, quyết định tố tụng:* Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tứ Kỳ, Điều tra viên; VKSND huyện Tứ Kỳ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điều 17, 58; các điểm s, i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 10/4/2018.

1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 10/4/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS; tịch thu số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn H sung quỹ nhà nước.

3.Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- VKSND tỉnh Hải Dương
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tứ Kỳ
- Cơ quan Thi hành án HS - Công an huyện Tứ Kỳ
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ
- Sở tư pháp Hải Dương,
-Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tú